

Số: 88/2025/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 4471/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025, Báo cáo tiếp thu số 707/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 294/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Mục 1

MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC PHÂN CẤP

Điều 3. Mục tiêu

1. Tạo sự chủ động, mở rộng và tăng tính tự chủ tài chính cho các cấp chính quyền địa phương, nhất là chính quyền cấp xã khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp gắn với trách nhiệm của địa phương trong quản lý và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước, giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách cấp tỉnh.

2. Khuyến khích các địa phương phát triển và khai thác tối đa nguồn thu để chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực quản trị của địa phương.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phải phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả phù hợp với đặc điểm địa lý, dân cư, tình hình phát triển kinh tế xã hội và khả năng quản lý của chính quyền địa phương cấp xã trên cơ sở kế thừa những quy định về phân cấp đã áp dụng trong giai đoạn 2022 - 2025.

2. Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo các nhiệm vụ chi quan trọng của tỉnh, hỗ trợ các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và hỗ trợ các địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

3. Việc thực hiện phân chia tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu giữa ngân sách các cấp và số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã phải đảm bảo công bằng, phát triển hài hòa cân đối giữa các vùng, các địa phương.

Mục 2

PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 5. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

a) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản đối với Giấy phép do cơ quan Trung ương cấp phép phân ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật (trừ đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô);

b) Thu từ hoạt động xổ số;

d) Phí do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện thu, nộp (trừ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu qua hóa đơn sử dụng nước do Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh thu, nộp vào ngân sách

nhà nước; phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; phí hạ tầng cửa khẩu biên giới đất liền);

e) Lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện thu, nộp (trừ lệ phí môn bài; lệ phí trước bạ);

g) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

h) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (mã chương ngân sách cấp tỉnh);

i) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

k) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh;

m) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt và tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu (mã chương ngân sách cấp tỉnh);

n) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp tỉnh;

o) Thu từ quỹ dự trữ tài chính;

p) Thu từ kết dư ngân sách cấp tỉnh;

q) Các khoản thu khác của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100% phần thu ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

a) Tiền sử dụng đất các dự án đầu tư của các tổ chức do cấp tỉnh phê duyệt giá cụ thể và giao đất, dự án tái định cư do ngân sách tỉnh đầu tư (trừ đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô);

b) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (trừ đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô);

c) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu.

3. Thu bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương và thu từ các khoản hoàn trả cho ngân sách cấp tỉnh từ ngân sách cấp xã.

4. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước sang.

Điều 6. Nguồn thu ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

- a) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- b) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- c) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển do các cơ quan tỉnh Quảng Ninh cấp phép;
- d) Lệ phí môn bài;
- e) Lệ phí trước bạ;
- g) Phí do các cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc cấp xã thu, nộp ngân sách nhà nước; phí hạ tầng cửa khẩu biên giới đất liền; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu qua hóa đơn sử dụng nước do Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh thu, nộp vào ngân sách nhà nước;
- h) Lệ phí do các cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc cấp xã thu, nộp ngân sách nhà nước (trừ lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ tại điểm e, g nêu trên);
- i) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp xã quản lý (mã chương ngân sách cấp xã);
- k) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã xử lý;
- m) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;
- n) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã;
- o) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước xã quyết định (chương ngân sách cấp xã);
- p) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã;
- q) Thu kết dư ngân sách cấp xã;
- r) Các khoản thu khác ngân sách cấp xã được hưởng 100% theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu ngân sách cấp xã được hưởng 100% phần thu ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

- a) Thuế giá trị gia tăng của cá nhân sản xuất, hộ kinh doanh;
- b) Thuế tiêu thụ đặc biệt của cá nhân sản xuất, hộ kinh doanh;
- c) Thuế thu nhập cá nhân;
- d) Tiền sử dụng đất trong các trường hợp:

- Tiền sử dụng đất xen kẹt khu dân cư; đất dôi dư được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tiền chuyển mục đích sử dụng đất; tiền sử dụng đất sau khi được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; tiền sử dụng đất của các dự án đầu tư của cá nhân do cấp xã phê duyệt giá và giao đất;

- Tiền sử dụng đất của các dự án tái định cư trên địa bàn đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô; tiền sử dụng đất của các dự án tái định cư do cấp xã đầu tư hạ tầng bằng vốn ngân sách cấp xã;

- Tiền sử dụng đất các dự án đầu tư của các tổ chức do cấp tỉnh phê duyệt giá cụ thể và giao đất trên địa bàn đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô.

e) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước

- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước hàng năm;

- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước trả một lần cho cả thời gian thuê trên địa bàn đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô.

3. Thu bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

4. Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách cấp xã năm trước sang ngân sách cấp xã năm sau.

Điều 7. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã đối với phần thu ngân sách địa phương được hưởng (*Chi tiết có biểu kèm theo*).

Mục 3

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác theo quy định của pháp luật về đầu tư công:

- Các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác theo quy định của pháp luật về đầu tư công do cấp tỉnh quản lý theo phân cấp quản lý ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh;

- Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (dự án BT) bằng tiền;

- Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ; bố trí vốn thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngoài hàng rào đến khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế, cụm công nghiệp; hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào khu công nghiệp; hỗ trợ một phần chi phí đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ.

- Phát triển khu công nghệ cao;
- Nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;
- Xây dựng khu tái định cư phục vụ các dự án đầu tư theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh;
- Xây dựng trụ sở, trường học, trạm y tế các xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.
- Các dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;
- Các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định;
- Các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ quan trọng khác; hỗ trợ đầu tư các dự án lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và dự án đầu tư của cơ quan trung ương đóng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương nhưng phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp tỉnh;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, sản phẩm công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được phân cấp trong các lĩnh vực:

- a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề gồm:
 - Các cơ sở giáo dục có cấp học trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên và giáo dục khác do cấp tỉnh quản lý;
 - Giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;
- b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số;
- c) Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội phân giao cấp tỉnh quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương;
- d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Chi đảm bảo hoạt động phòng bệnh, chữa bệnh, trạm y tế cấp xã;
- Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên;
- Chi hoạt động dân số, gia đình; an toàn vệ sinh thực phẩm và các hoạt động y tế khác;

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Chi đảm bảo hoạt động bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa, thông tin;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

g) Sự nghiệp thể dục thể thao: Chi đảm bảo hoạt động bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường: Chi đảm bảo hoạt động quan trắc; xây dựng các kế hoạch, đề án về môi trường tỉnh; đánh giá và xử lý các điểm ô nhiễm môi trường do hóa chất tồn lưu trên địa bàn tỉnh; các hoạt động, nhiệm vụ về môi trường trên phạm vi liên xã, liên tỉnh và các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của địa phương (trừ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã giao cho cấp xã thực hiện);

i) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: Chi đảm bảo hoạt động quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh; Chi các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường đường bộ, đường thủy do cấp tỉnh quản lý;

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và thủy lợi: Chi đảm bảo hoạt động duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, phương án ứng phó thiên tai cho công trình thủy lợi theo phân cấp; đặt hàng quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do cấp tỉnh quản lý; các hoạt động sự nghiệp lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và thủy lợi khác thuộc cấp tỉnh quản lý, ngành lĩnh vực trên địa bàn tỉnh;

- Nhiệm vụ chi về tài nguyên: Chi đảm bảo hoạt động điều tra cơ bản; đo đạc lập bản đồ địa giới hành chính; kế hoạch sử dụng đất tỉnh; kiểm kê; lập dữ liệu quản lý đất đai và các hoạt động sự nghiệp tài nguyên khác thuộc cấp tỉnh quản lý;

- Chi lập, thẩm định, phê duyệt, công bố các quy hoạch theo phân cấp quản lý;

- Chi các hoạt động thương mại, du lịch theo phân cấp, cấp tỉnh quản lý;

- Các sự nghiệp kinh tế theo phân cấp, cấp tỉnh quản lý;

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật, được phân cấp quản lý;

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền địa phương vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

5. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.

6. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.

7. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

8. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã và chi nộp ngân sách trung ương.

9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025:

a) Hỗ trợ cho các đơn vị thuộc Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng Trung ương khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của tỉnh;

b) Các đơn vị Trung ương quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của tỉnh;

c) Sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh để hỗ trợ tỉnh khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển: Các nhiệm vụ, dự án đầu tư do cấp xã quản lý theo phân cấp quản lý ngành, lĩnh vực trên địa bàn (trừ một số nhiệm vụ chi tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị quyết này).

2. Chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị ở xã, phường, đặc khu được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo:

- Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường dân tộc nội trú, bán trú, trường phổ thông liên cấp không có cấp học trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục khác do cấp xã quản lý;

- Dạy nghề, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đào tạo bồi dưỡng khác do cấp xã quản lý;

- Chi hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng cấp xã; tổ chức các lớp học văn hóa “xóa mù chữ”, lớp học tập tại cộng đồng;

- Chi hoạt động của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp xã;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách được cơ quan có thẩm quyền ban hành;

- Chi sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các trường lớp học của cấp xã được giao theo phân cấp;

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số theo phân cấp quản lý.

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội phần giao cấp xã quản lý theo phân cấp; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công thuộc lĩnh vực y tế phần giao cấp xã quản lý theo phân cấp;

- Chi hỗ trợ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách địa phương hỗ trợ đóng (trừ đối tượng là học sinh, sinh viên được bố trí dự toán tại ngân sách cấp tỉnh) và các chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế theo phân cấp quản lý đối tượng;

- Chi hoạt động, công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Chi hoạt động cho công tác phòng, chống dịch bệnh và các hoạt động y tế khác thuộc nhiệm vụ của cấp xã.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục, thể thao: Chi đảm bảo hoạt động nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hóa, sân vận động, đội thông tin lưu động và các hoạt động văn hóa, thể thao do cấp xã tổ chức;

e) Sự nghiệp phát thanh: Chi đảm bảo hoạt động truyền thanh cấp xã;

g) Sự nghiệp bảo vệ môi trường: Chi các hoạt động truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh chất thải rắn sinh hoạt; hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của địa phương; Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải. Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương;

h) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: Chi đảm bảo hoạt động quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật (đường đô thị, đường xã, đường thôn; cảng, bến thủy nội địa) trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý của cấp xã;

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và thủy lợi: Chi đảm bảo hoạt động duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, phương án ứng phó thiên tai cho công trình thủy lợi của cấp xã theo phân cấp; đặt hàng quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do cấp xã quản lý; các hoạt động sự nghiệp lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và thủy lợi khác thuộc cấp xã quản lý, ngành lĩnh vực trên địa bàn xã;

- Nhiệm vụ chi về tài nguyên: Chi đảm bảo hoạt động điều tra cơ bản; đo đạc lập bản đồ địa giới hành chính; xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã; kiểm kê; lập dữ liệu quản lý đất đai; tư vấn, xác định giá đất và các hoạt động sự nghiệp địa chính thuộc phạm vi quản lý của cấp xã theo phân cấp;

- Chi lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, đánh giá, điều chỉnh các quy hoạch theo phân cấp;

- Sự nghiệp thị chính (đô thị): Chi đảm bảo hoạt động sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng (bao gồm mua sắm), duy trì hoạt động của hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, công viên, cây xanh và các sự nghiệp thị chính khác thuộc phạm vi quản lý của cấp xã theo phân cấp;

- Chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã và các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác theo phân cấp.

i) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, các thôn, bản, khu phố. Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật. Chi sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trụ sở cơ quan, công trình hạ tầng phụ trợ khác của cấp xã;

k) Chi bảo đảm xã hội, chi thực hiện các chính sách xã hội do cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật được phân cấp quản lý;

l) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Chi nộp ngân sách cấp trên theo quy định.

Chương III

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN

Điều 10. Nguyên tắc

1. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 kế thừa những kết quả đạt được của hệ thống định mức giai đoạn 2022 - 2025; sửa đổi, bổ sung định mức, các tiêu chí bổ sung phù hợp với thực tiễn triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đồng thời đảm bảo tính đặc thù đối với các xã, phường, đặc khu; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

2. Xây dựng tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

Điều 11. Tiêu chí phân loại đơn vị hành chính cấp xã và yếu tố đặc thù

1. Phân loại đơn vị hành chính cấp xã theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ:

a) Phân loại xã: loại I, loại II và loại III;

b) Phân loại phường, đặc khu: loại đặc biệt, loại I, loại II và loại III.

2. Phân loại đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khu vực biên giới đất liền, khu vực ven biển và xã đảo:

a) Các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ninh được quy định tại Quyết định số 4525/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, phê duyệt danh sách các thôn, bản, khu phố thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số; danh sách các xã, phường, đặc khu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 – 2030.

b) Các đơn vị hành chính cấp xã khu vực biên giới đất liền, khu vực ven biển được quy định tại Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia;

c) Các xã đảo được quy định tại Quyết định số 4333/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Quảng Ninh;

3. Quy định về đơn vị dự toán.

a) Được cơ quan có thẩm quyền giao chỉ tiêu biên chế (bậc thang).

b) Là đơn vị dự toán ngân sách có tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước, được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán ngân sách hằng năm.

Mục 2

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 12. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh

1. Nguyên tắc phân bổ vốn thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các nguyên tắc cụ thể sau đây:

a) Vốn đầu tư công được bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công;

b) Vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

c) Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực; vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án theo chủ trương, chỉ đạo của Tỉnh; vốn hỗ trợ các đơn vị theo quy định.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn

a) Dành tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư ngân sách cấp tỉnh giao đầu năm (không bao gồm vốn ngân sách trung ương hỗ trợ) để bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường, đặc khu theo tiêu chí chấm điểm;

b) Mức vốn ngân sách cấp tỉnh còn lại được phân bổ theo ngành, lĩnh vực cho các chương trình, dự án cụ thể theo đúng quy định của pháp luật và theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định của pháp luật về đầu tư công, trong đó:

- Bố trí đủ vốn ngân sách tỉnh cho lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan; bố trí vốn cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đảm bảo tỷ lệ bố trí vốn ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Việc hỗ trợ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh cho các dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương, các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn tỉnh hoặc hỗ trợ cho các địa phương khác theo quy định chỉ được xem xét sau khi đảm bảo khả năng cân đối ngân sách và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp tỉnh.

Điều 13. Tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường, đặc khu

1. Tiêu chí phân bổ vốn

a) Tiêu chí dân số, bao gồm: dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số của các xã, phường, đặc khu;

b) Tiêu chí về trình độ phát triển: tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh so với tổng chi ngân sách xã, phường, đặc khu;

c) Tiêu chí diện tích tự nhiên đất liền của các xã, phường, đặc khu;

d) Tiêu chí bổ sung, bao gồm: xã biên giới đất liền; xã hải đảo; tiêu chí đặc thù theo vùng (đô thị - nông thôn) gồm: xã, phường, đặc thu.

2. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể

a) Điểm của tiêu chí dân số, bao gồm: số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số. Cách tính cụ thể như sau:

Điểm của tiêu chí dân số trung bình:

Số dân trung bình của xã, phường, đặc khu	Điểm
Đến 30.000 người	10
Từ trên 30.000 đến 50.000 người, cứ 5.000 người tăng thêm được tính	2
Trên 50.000 người, cứ 5.000 người tăng thêm được tính	1

Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số:

Số người dân tộc thiểu số của xã, phường, đặc khu	Điểm
Từ 500 người đến 3.000 người được tính	3
Trên 3.000 người, cứ 1.000 người tăng thêm được tính	0,5

b) Điểm của tiêu chí về trình độ phát triển: Về cân đối ngân sách cấp xã. Cách tính cụ thể như sau:

Cân đối ngân sách cấp xã	Điểm
Địa phương tự cân đối ngân sách	2
Địa phương chưa cân đối ngân sách	5

c) Điểm của tiêu chí diện tích: diện tích tự nhiên đất liền của các xã, phường, đặc khu. Cách tính cụ thể như sau:

Diện tích tự nhiên đất liền của xã, phường, đặc khu	Điểm
Dưới 220 km ²	10
Từ 220 km ² đến 440 km ²	12
Trên 440 km ²	15

d) Điểm của tiêu chí bổ sung, bao gồm: xã biên giới đất liền; xã hải đảo; tiêu chí đặc thù theo vùng: xã, phường, đặc khu. Cách tính cụ thể như sau:

Tiêu chí bổ sung	Điểm
Xã biên giới đất liền	3
Xã hải đảo	3
Tiêu chí đặc thù theo vùng:	
+ Xã	10
+ Đặc khu	15
+ Phường	20

3. Mức vốn đầu tư công của từng xã, phường, đặc khu:

$$\text{Tổng số vốn đầu tư công của từng xã, phường, đặc khu} = \frac{\text{Tổng nguồn vốn đầu tư công phân bổ}}{\text{Tổng số điểm của 54 xã, phường, đặc khu}} \times \text{Số điểm của từng xã, phường, đặc khu}$$

Mục 3

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Điều 14. Định mức phân bổ cho cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể cấp tỉnh

1. Định mức phân bổ kinh phí hoạt động theo tiêu chí biên chế (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp):

DVT: triệu đồng/người/năm

Tiêu chí	Cơ quan Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các tổ chức chính trị xã hội; Cơ quan quản lý nhà nước, các hội hoạt động theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024
Từ biên chế thứ 50 trở lên	118	97
Từ biên chế thứ 31 đến thứ 50	122	100
Từ biên chế thứ 30 trở xuống	132	109

2. Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Kinh phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản, bổ sung, thay thế trang thiết bị làm việc theo quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý và sử dụng tài sản công tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương;

- Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách cho đối tượng, kinh phí thi đua khen thưởng thuộc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Điều 15. Định mức phân bổ cho sự nghiệp y tế lĩnh vực khám, chữa bệnh và y tế dự phòng

1. Định mức phân bổ chi hoạt động theo tiêu chí chỉ tiêu biên chế người làm việc được giao (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp):

ĐVT: triệu đồng/người/năm

Tiêu chí	Định mức phân bổ
Từ biên chế thứ 30 trở xuống	62
Từ biên chế thứ 31 đến thứ 50	58
Từ biên chế thứ 50 trở lên	56

2. Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương;
- Kinh phí bảo trì, sửa chữa tài sản, tăng cường cơ sở vật chất theo chủ trương/nhiệm vụ/đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách cho các đối tượng (bảo trợ xã hội) theo quy định hiện hành;
- Kinh phí thực hiện chế độ đặc thù đối với cán bộ, viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao;

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung đối với các trạm y tế:

- Kinh phí xử lý nước thải, rác thải y tế: 10 triệu đồng/trạm y tế/năm đối với trạm y tế có chức năng khám chữa bệnh, đỡ đẻ; 05 triệu đồng/trạm y tế/năm đối với trạm y tế chỉ có chức năng y tế dự phòng;
- Định mức phân bổ trên, chưa bao gồm: Kinh phí sửa chữa, bổ sung trang thiết bị phục vụ khám, chữa bệnh và y tế dự phòng cho các trạm y tế xã theo chủ trương/nhiệm vụ/đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chi phí khám khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho người dân được miễn phí (mỗi năm 1 lần) được lập sổ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe theo vòng đời tại Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị.

Điều 16. Định mức phân bổ cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề

1. Sự nghiệp giáo dục

a) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động theo tiêu chí định biên (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp): 45 triệu đồng/người/năm;

Ngân sách nhà nước bổ sung trong trường hợp dự toán của cơ sở giáo dục theo định mức trên không đảm bảo nguyên tắc tối thiểu tỷ lệ (%) giữa tiền lương và chi hoạt động thường xuyên theo được quy định là 80/20, đối với vùng khó khăn, biên giới, hải đảo là 79/21;

b) Các trường có nhiều cơ sở (điểm trường) được bổ sung thêm cho mỗi điểm trường là 50 triệu đồng/năm;

c) Định mức bố trí dự toán chi sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm, bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho các

trường, lớp học thuộc cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh: 22 triệu đồng/lớp học;

d) Định mức phân bổ cho một số hoạt động chung (đào tạo bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, kinh phí vận hành trang thiết bị và hạ tầng thông minh và các khoản chi phí khác phục vụ hoạt động chung của nhà trường): được phân bổ bằng 20% kinh phí hoạt động tại mục a, b ở trên;

e) Định mức phân bổ tại mục nêu trên chưa bao gồm:

- Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao;

- Kinh phí sửa chữa, mua sắm tăng cường cơ sở vật chất trường lớp học theo chủ trương/nhiệm vụ/đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, giáo viên được Trung ương và Tỉnh ban hành;

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù, tổ chức các kỳ thi và không thường xuyên khác của các cơ sở giáo dục được cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Sự nghiệp đào tạo - dạy nghề

a) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động theo tiêu chí chỉ tiêu người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp) của các trường đại học, trường cao đẳng, trường đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ: 45 triệu đồng/người/năm.

b) Định mức quy định trên chưa bao gồm:

- Kinh phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất trường, lớp học theo quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý và sử dụng tài sản công tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ cho học sinh, sinh viên được Trung ương và Tỉnh ban hành; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù và không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền giao.

Điều 17. Định mức chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Không thấp hơn mức dự toán Trung ương giao; căn cứ vào nhiệm vụ hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh để bố trí mức chi cụ thể.

Điều 18. Định mức chi sự nghiệp môi trường

Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách tỉnh để bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh lĩnh vực môi trường được phê duyệt.

Điều 19. Định mức phân bổ chi sự nghiệp công lập khác (ngoài giáo dục - đào tạo và y tế)

1. Định mức phân bổ chi hoạt động theo tiêu chí chỉ tiêu người làm việc (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp):

ĐVT: triệu đồng/người/năm

Tiêu chí	Định mức phân bổ
Từ biên chế thứ 30 trở xuống	62
Từ biên chế thứ 31 đến thứ 50	58
Từ biên chế thứ 50 trở lên	56

2. Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương;
- Kinh phí bảo trì, sửa chữa tài sản, tăng cường cơ sở vật chất theo chủ trương/nhiệm vụ/đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao;
- Kinh phí thực hiện chế độ đặc thù đối với cán bộ, viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Định mức phân bổ đối với các hoạt động sự nghiệp thực hiện theo định mức kinh tế kỹ thuật của từng loại công việc thì kinh phí phân bổ được xác định trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật, khối lượng công việc và đơn giá do nhà nước quy định.

Điều 20. Định mức chi quốc phòng, an ninh

Căn cứ vào nhiệm vụ an ninh - quốc phòng địa phương hàng năm và khả năng cân đối của ngân sách để bố trí mức chi cụ thể.

Điều 21. Chi thường xuyên khác

Phân bổ bằng 2% tổng dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực theo nhiệm vụ chi tại khoản 2 (trừ điểm m) Điều 8 của Nghị quyết này.

Mục 4

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 22. Định mức phân bổ cho cơ quan quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể cấp xã

1. Định mức phân bổ kinh phí hoạt động

a) Phân bổ theo tiêu chí biên chế (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp):

DVT: triệu đồng/người/năm

Tiêu chí	Định mức phân bổ
Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	132
Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội; Trung tâm bồi dưỡng chính trị; cơ quan hành chính nhà nước còn lại	109

b) Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Kinh phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất trụ sở cơ quan của cấp xã theo quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý và sử dụng tài sản công tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách;

- Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương;

- Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách cho công chức, người lao động, kinh phí thi đua khen thưởng thuộc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Định mức phân bổ kinh phí hoạt động đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ, chế độ, chính sách: Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và quy định do Trung ương, Tỉnh ban hành để bố trí kinh phí thực hiện.

3. Định mức phân bổ chi hoạt động theo các yếu tố đặc thù:

a) Đối với xã, phường có biên giới đất liền được phân bổ: 500 triệu đồng/xã, phường để chi cho công tác đối ngoại, giao lưu văn hoá; riêng xã, phường có cửa khẩu quốc tế được phân bổ thêm: 300 triệu đồng/cửa khẩu; xã có cửa khẩu song phương 200 triệu đồng/cửa khẩu.

b) Đối với xã, phường có biên giới biển (đất liền ven biển) được phân bổ thêm: 250 triệu đồng/xã, phường/năm để chi công tác kiểm tra, phòng chống thiên tai và giám sát hoạt động trên biển. Riêng đặc khu: Cô Tô 750 triệu đồng/năm; đặc khu Vân Đồn: 1.250 triệu đồng/năm.

4. Chi hoạt động thường xuyên phong trào của tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và chi thường xuyên của thôn, bản, khu phố theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 23. Định mức phân bổ sự nghiệp giáo dục - đào tạo

1. Định mức phân bổ sự nghiệp giáo dục

a) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động theo tiêu chí số lượng người làm việc được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp): 45 triệu đồng/người/năm;

Ngân sách nhà nước bổ sung trong trường hợp dự toán của cơ sở giáo dục theo định mức trên không đảm bảo nguyên tắc tối thiểu tỷ lệ (%) giữa tiền lương

và chi hoạt động thường xuyên khác là 80/20, đối với giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục tại vùng khó khăn, biên giới, hải đảo là 79/21;

b) Định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã (bao gồm chế độ phụ cấp hằng tháng giám đốc, phó giám đốc Trung tâm): Các xã khu vực biên giới đất liền, hải đảo và xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số 48 triệu đồng/năm; các xã, phường còn lại: 40 triệu đồng/năm;

c) Đối với các trường có nhiều điểm (phân hiệu) được bổ thêm cho mỗi điểm trường hoặc phân hiệu (trừ điểm trường chính) là 50 triệu đồng/năm;

d) Kinh phí hoạt động chung (tổ chức lớp bồi dưỡng hè, duy trì phổ cập, xóa mù chữ, bổ sung sách thư viện, kinh phí vận hành trang thiết bị, hạ tầng thông minh và các khoản chi phí khác phục vụ hoạt động chung của nhà trường): Bằng 20% kinh phí hoạt động của các mục nêu trên;

đ) Định mức bố trí dự toán chi sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm, bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho các trường, lớp học thuộc cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh: 22 triệu đồng/lớp học; đối với đặc khu Vân Đồn, đặc khu Cô Tô không thấp hơn dự toán tỉnh đã giao năm 2025;

e) Định mức phân bổ tại mục nêu trên chưa bao gồm:

- Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao;

- Kinh phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất trường, lớp học của cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý và sử dụng tài sản công tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách;

- Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, giáo viên được Trung ương và tỉnh ban hành;

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù, tổ chức các kỳ thi và không thường xuyên khác của các cơ sở giáo dục được cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Chi sự nghiệp đào tạo

a) Định mức phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng: 100 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm và được điều chỉnh nhân hệ số phân loại đơn vị hành chính như sau:

- Các phường là loại đô thị đặc biệt: Hệ số 1,8;
- Các xã, phường, đặc khu loại I: Hệ số 1,6;
- Các xã, phường, đặc khu loại II: Hệ số 1,3;
- Các xã, phường, đặc khu loại III: Hệ số 1,0.

b) Các xã, phường có Trung tâm bồi dưỡng chính trị (tiếp nhận từ cấp huyện trước sắp xếp đơn vị hành chính) ngoài định mức chung nêu trên, được phân bổ thêm bằng 01 lần định mức nhân (x) với số các xã, phường có liên quan trong cùng đơn vị hành chính cấp huyện trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính;

c) Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng: Được tính xác định trên cơ sở đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định hiện hành;
- Kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Bồi dưỡng chính trị theo chủ trương/đề án/nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 24. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

1. Định mức phân bổ kinh phí phòng chống dịch: 10.000 đồng/người dân/năm.
2. Định mức phân bổ kinh phí hoạt động dân số và gia đình: 50 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm.
3. Định mức phân bổ kinh phí hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm: 100 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm.
4. Định mức phân bổ kinh phí tại mục 2, 3 nêu trên được điều chỉnh nhân hệ số phân loại đơn vị hành chính như sau:

- Các phường là loại đô thị đặc biệt: Hệ số 1,8;
- Các xã, phường, đặc khu loại I: Hệ số 1,6;
- Các xã, phường, đặc khu loại II: Hệ số 1,3;
- Các xã, phường, đặc khu loại III: Hệ số 1,0.

5. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho các đối tượng được phân bổ theo số đối tượng thực tế và mức hỗ trợ quy định, gồm:

- Chính sách hỗ trợ sinh đẻ đúng chính sách dân số đối với phụ nữ là người dân tộc thuộc hộ nghèo, vùng khó khăn theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 4 năm 2015;
- Kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách;
- Kinh phí tư vấn, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi: 100.000 đồng/người cao tuổi/năm.

Điều 25. Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, phát thanh

1. Định mức phân bổ: 450 triệu đồng/xã, phường và được điều chỉnh nhân hệ số phân loại đơn vị hành chính như sau:

- Các phường là loại đô thị đặc biệt: Hệ số 1,8;
- Các xã, phường, đặc khu loại I: Hệ số 1,6;
- Các xã, phường, đặc khu loại II: Hệ số 1,3;
- Các xã, phường, đặc khu loại III: Hệ số 1,0.

Định mức trên chưa bao gồm:

- Kinh phí tổ chức các sự kiện lớn do địa phương tổ chức;
- Kinh phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất thiết chế văn hóa, thể thao của cấp xã theo quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý và sử dụng tài sản

công tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách;

- Kinh phí duy trì cụm loa truyền thanh của cấp xã tại thôn, khu phố: 10 triệu đồng/thôn, khu/năm.

2. Định mức phân bổ sự nghiệp chung theo tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã (bao gồm cả kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, bổ sung trang thiết bị): 100 triệu đồng/xã/năm; các xã, phường trung tâm tiếp nhận cơ sở thiết bị của cấp huyện (trước sắp xếp đơn vị hành chính): 200 triệu đồng/xã/năm.

Điều 26. Định mức phân bổ chi theo số lượng người làm việc thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các lĩnh vực khác (ngoài sự nghiệp giáo dục):

1. Định mức phân bổ chi hoạt động theo tiêu chí chỉ tiêu người làm việc (chưa bao gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp):

ĐVT: triệu đồng/người/năm

Tiêu chí	Định mức phân bổ
Từ biên chế thứ 30 trở xuống	62
Từ biên chế thứ 31 đến thứ 50	58
Từ biên chế thứ 50 trở lên	56

2. Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Kinh phí chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, đầu tư hạng mục (mới) trong dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý và sử dụng tài sản công tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách;

- Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương;

- Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao;

- Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động, kinh phí thi đua khen thưởng thuộc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Điều 27. Định mức phân bổ chi đảm bảo an ninh, trật tự; phòng cháy, chữa cháy

1. Định mức phân bổ: 200 triệu đồng/xã và được điều chỉnh nhân hệ số phân loại đơn vị hành chính như sau:

- Các phường loại đô thị đặc biệt: Hệ số 1,8;
- Các xã, phường, đặc khu loại I: Hệ số 1,6;
- Các xã, phường, đặc khu loại II: Hệ số 1,3;
- Các xã, phường, đặc khu loại III: Hệ số 1,0.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Đối với các xã, phường biên giới đất liền, xã đảo, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được bổ sung mức 200 triệu đồng/xã, phường. Đối với đặc khu Cô Tô được bổ sung 300 triệu đồng/năm; đặc khu Vân Đồn được bổ sung 500 triệu đồng/năm.

3. Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

- Phụ cấp và các khoản chi chế độ của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở được tính theo thực tế và chế độ, chính sách hiện hành;

- Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân phòng tham gia công tác phòng cháy chữa cháy; mua sắm, trang bị công cụ dụng cụ phòng cháy chữa cháy cho lực lượng dân phòng tại thôn, bản, khu phố;

- Kinh phí thực hiện diễn tập phòng cháy chữa cháy được phân bổ theo dự toán và chế độ hiện hành; hội thi, hội thao phòng cháy chữa cháy do cấp trên tổ chức.

Điều 28. Định mức phân bổ chi quốc phòng

1. Định mức phân bổ: 250 triệu đồng/xã và được điều chỉnh nhân hệ số phân loại đơn vị hành chính như sau:

- Các phường loại đô thị đặc biệt: Hệ số 1,8;
- Các xã, phường, đặc khu loại I: Hệ số 1,6;
- Các xã, phường, đặc khu loại II: Hệ số 1,3;
- Các xã, phường, đặc khu loại III: Hệ số 1,0.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Đối với các xã, phường biên giới đất liền, xã đảo, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được bổ sung mức 200 triệu đồng/xã, phường. Đối với đặc khu Cô Tô được bổ sung 300 triệu đồng/năm; đặc khu Vân Đồn được bổ sung 500 triệu đồng/năm.

3. Định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

a) Phụ cấp và các khoản chi chế độ của thôn, khu đội trưởng; chính sách hỗ trợ công dân nhập ngũ được tính theo thực tế và chế độ, chính sách hiện hành;

b) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ: Được tính theo chế độ, chính sách hiện hành, thực tế số lượng ngày công huy động làm nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền;

c) Kinh phí thực hiện diễn tập phòng thủ dân sự cấp xã, diễn tập chiến đấu được phân bổ theo dự toán và chế độ hiện hành; hội thi, hội thao dân quân do cấp trên tổ chức;

d) Phát quang đường, thông tầm nhìn biên giới đất liền;

đ) Kinh phí duy trì, bảo vệ các căn cứ chiến đấu, phòng thủ; Trung tâm chỉ huy tìm kiếm cứu nạn của địa phương (nếu có);

e) Kinh phí duy trì hoạt động của chốt dân quân thường trực, trụ sở của Ban chỉ huy quân sự xã thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã.

Điều 29. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

1. Chế độ, chính sách cho đối tượng được phân bổ theo số đối tượng thực tế và mức hỗ trợ hiện hành.

2. Định mức phân bổ chi tổ chức mừng thọ cho người cao tuổi (trên 70 tuổi trở lên) theo quy định pháp luật: 05 triệu đồng/thôn, khu.

3. Đảm bảo xã hội khác (trợ cấp đột xuất, kinh phí hội đồng thẩm định, xét duyệt cấp xã, ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững, kinh phí quản lý đối tượng, chi trả; thăm hỏi lễ tết, kinh phí các cuộc điều tra hộ nghèo, cận nghèo thường niên và các hoạt động đảm bảo xã hội khác) được phân bổ bằng 15% kinh phí trợ cấp hàng tháng cho đối tượng.

Điều 30. Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế và đô thị

1. Định mức phân bổ: 550.000 đồng/người dân/năm và được điều chỉnh nhân hệ số phân loại đơn vị hành chính như sau:

- Các phường loại đô thị đặc biệt: Hệ số 1,8;
- Các xã, phường, đặc khu loại I: Hệ số 1,6;
- Các xã, phường, đặc khu loại II: Hệ số 1,3;
- Các xã, phường, đặc khu loại III: Hệ số 1,0.

- Đối với đặc khu Cô Tô được cấp bù định mức để không thấp hơn dự toán năm 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

2. Định mức trên đã bao gồm: Kinh phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, đánh giá các quy hoạch theo phân cấp thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định; kinh phí hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp kinh tế; nhiệm vụ chi về tài nguyên.

3. Định mức trên chưa bao gồm:

- Kinh phí thực hiện chính sách bù hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, chính sách bù hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo Nghị định của Chính phủ; hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 60/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, đầu tư hạng mục (mới) trong dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý và sử dụng tài sản công tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách;

- Kinh phí tổ chức hội chợ thương mại quốc tế; kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh thực hiện các đề án/dự án/chương trình lĩnh vực kinh tế theo quyết định, nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 31. Định mức phân bổ sự nghiệp môi trường

1. Định mức phân bổ:

DVT: đồng/người dân/năm

Tiêu chí	Định mức phân bổ
Dân số vùng đô thị (các phường, đặc khu và thị trấn trước sắp xếp đơn vị hành chính)	500.000
Dân số vùng nông thôn (các xã, trừ các thị trấn trước sắp xếp đơn vị hành chính)	170.000

Định mức phân bổ của các xã vùng nông thôn được điều chỉnh nhân hệ số phân loại đơn vị hành chính như sau:

- Các xã loại I: Hệ số 1,6;
- Các xã loại II: Hệ số 1,3;
- Các xã loại III: Hệ số 1,0.

2. Định mức trên chưa bao gồm

- Chênh lệch kinh phí thực hiện phương thức xử lý đốt rác thải rắn sinh hoạt theo công nghệ đốt rác thải đã được đầu tư tại các địa phương so với hình thức xử lý chôn lấp thông thường.

- Kinh phí quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đã được đầu tư tại các địa phương, cơ sở.

Điều 32. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số:

a) Định mức phân bổ 500 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm và được điều chỉnh nhân hệ số phân loại đơn vị hành chính như sau:

- Các phường loại đô thị đặc biệt: Hệ số 1,8;
- Các xã, phường, đặc khu loại I: Hệ số 1,6;
- Các xã, phường, đặc khu loại II: Hệ số 1,3;
- Các xã, phường, đặc khu loại III: Hệ số 1,0.

b) Định mức trên chưa bao gồm các nhiệm vụ chi theo đề án, chương trình đặc thù được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 33. Định mức phân bổ chi khác ngân sách cấp xã: bằng 2% tổng dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực theo nhiệm vụ chi tại khoản 2 (trừ điểm l) Điều 9 của Nghị quyết này.

Chương IV QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 34. Các khoản thu dành chi đầu tư phát triển

1. Tiền sử dụng đất: Ủy ban nhân dân các cấp chủ động bố trí đủ kinh phí cho công tác quản lý đất đai theo nhu cầu thực tế phát sinh; phần còn lại được dành chi đầu tư phát triển.

2. Tiền thu thuế, phí còn lại (phí thăm quan Vịnh Hạ Long; phí tham thăm quan danh thắng Yên Tử, phí bảo vệ môi trường từ hoạt động khai thác than; tiền

thuê đất nộp một lần cho cả thời gian thuê) sau khi đã đảm bảo cân đối chi thường xuyên được dành chi đầu tư phát triển.

3. Xổ số kiến thiết.

Điều 35. Cơ chế thưởng vượt thu từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương

1. Nguyên tắc xét thưởng:

a) Tổng thu ngân sách trên địa bàn, ngân sách cấp tỉnh là cấp chi thường được hưởng tăng so với dự toán Hội đồng nhân dân giao;

b) Tỷ lệ thưởng không vượt quá 30% của số tăng thu phần ngân sách cấp tỉnh được hưởng từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã. Mức thưởng cho từng địa phương cấp xã không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước liền kề của các khoản thu này;

c) Căn cứ xét thưởng là tổng các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp xã; chỉ xét thưởng đối với các khoản thu cấp tỉnh giao cho cấp xã thực hiện thu; không xét riêng từng khoản thu.

2. Điều kiện để được xét thưởng:

a) Địa phương cấp xã được xét thưởng phải hoàn thành tổng số dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được Tỉnh giao thực hiện thu;

b) Thu ngân sách của cấp tỉnh từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp xã tăng so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 37. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Các bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ8

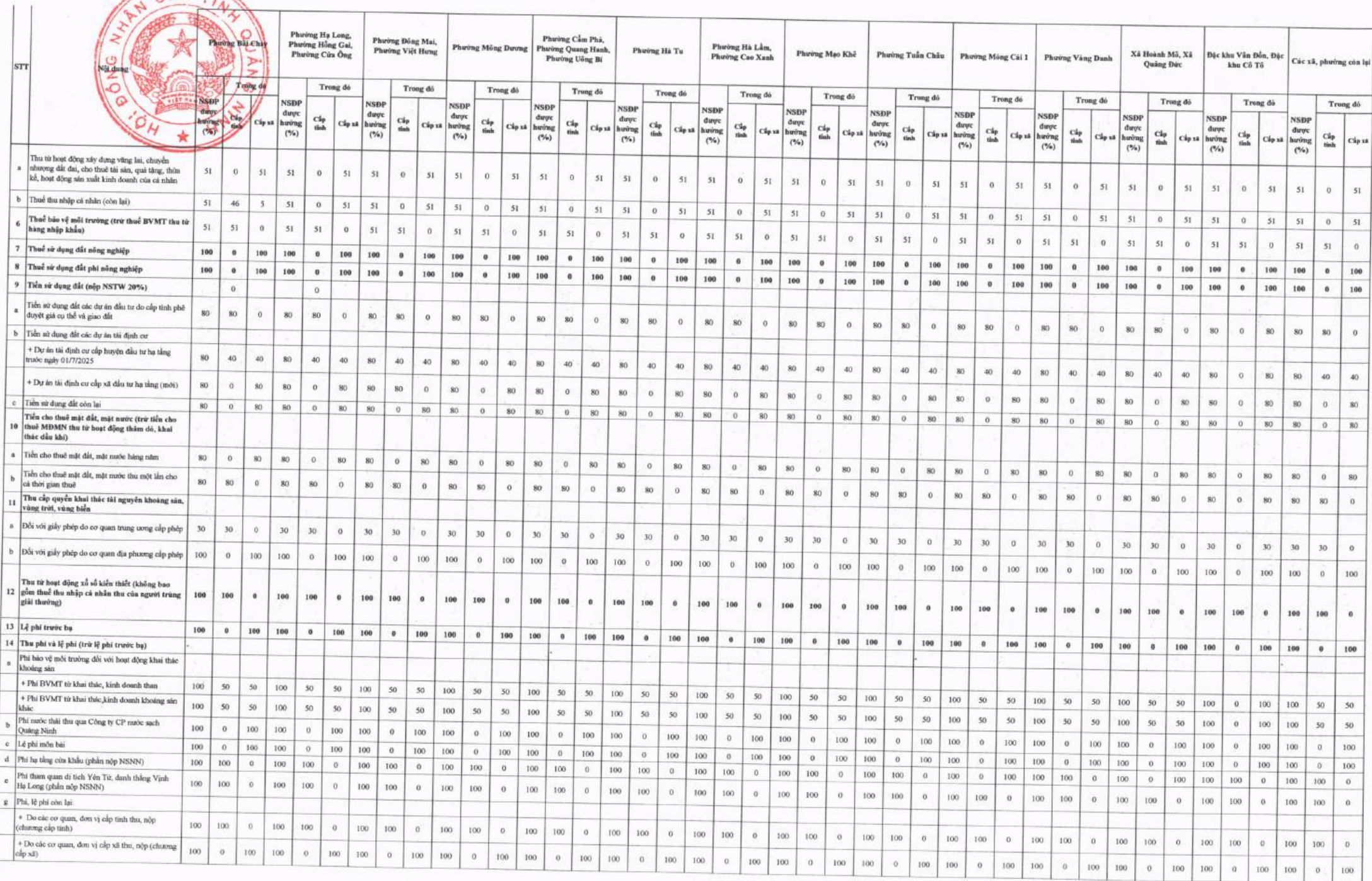


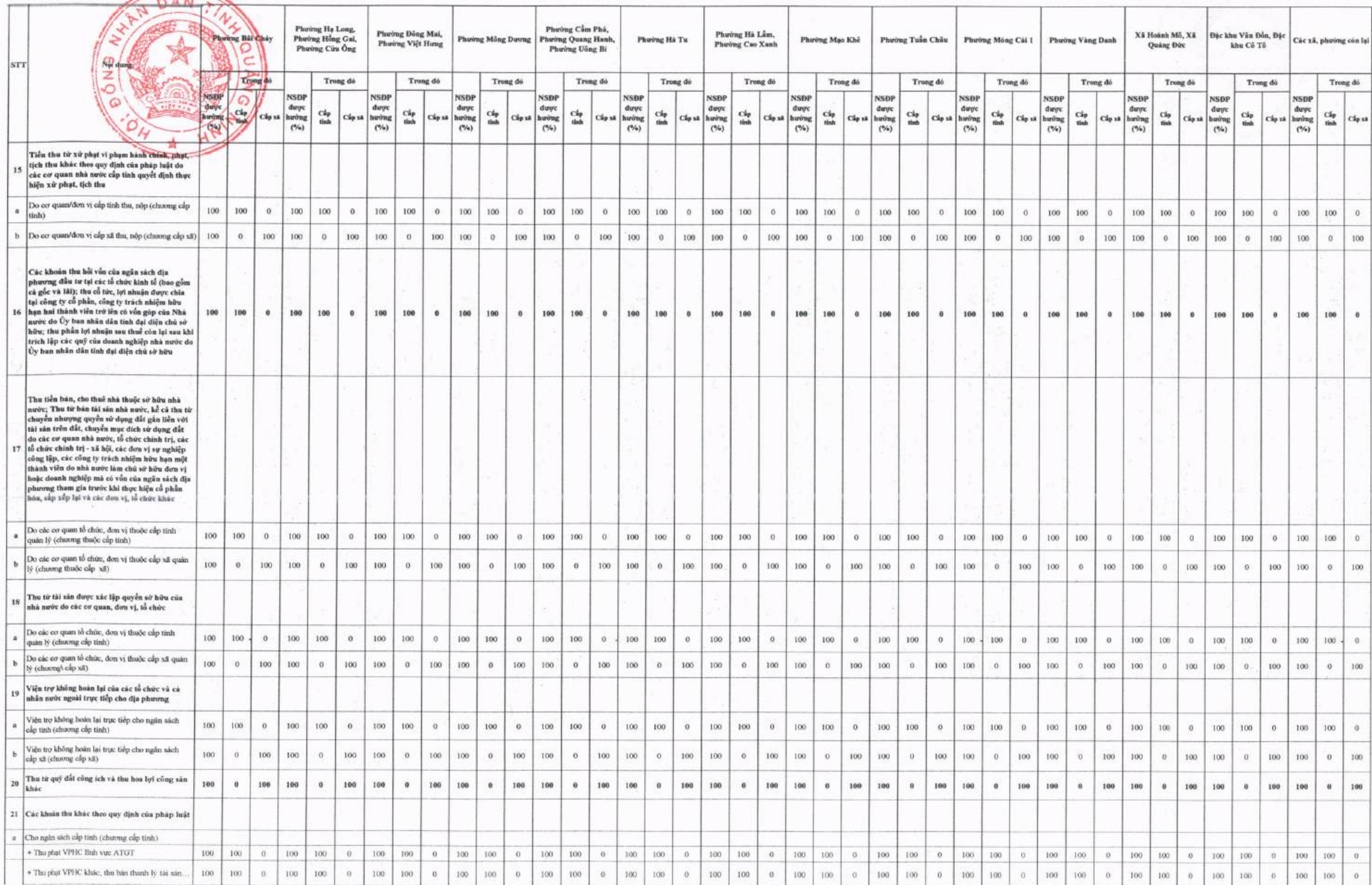
CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Minh Thanh

(Kèm theo Nghị quyết số 88/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ninh)

[illegible]







STT	Nội dung	Phường Bãi Cháy			Phường Hạ Long, Phường Hồng Gai, Phường Cửa Ông			Phường Đông Mai, Phường Việt Hưng			Phường Móng Dương			Phường Cẩm Phả, Phường Quang Hanh, Phường Uông Bí			Phường Hà Tu			Phường Hà Lâm, Phường Cao Xanh			Phường Mạo Khê			Phường Tuấn Châu			Phường Móng Cái 1			Phường Vàng Danh			Xã Hoàng Mỹ, Xã Quảng Đức			Độc khu Vân Đồn, Độc khu Cô Tô			Các xã, phường còn lại						
		Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó		NSDP được hưởng (%)	Trong đó									
		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã
b	Cho ngân sách cấp xã (chương cấp xã)																																														
	+ Thu tiền bồi thường đất công, tài sản công của xã	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	
	+ Thu phạt VPHC khác, thu bán thanh lý tài sản...	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	
22	Thu hoạt động đóng góp từ các tổ chức cá nhân theo quy định của pháp luật																																														
a	Do đơn vị cấp tỉnh thu (chương cấp tỉnh)	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100
b	Do đơn vị cấp xã thu (chương cấp xã)	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	
23	Thu tiền chậm nộp																																														
a	Thu tiền chậm nộp đối với: các khoản thu (đã được quy định tiêu mức nộp chậm theo MLNS), tiền sử dụng đất và thuế đất	Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó			Thực hiện tỷ lệ % điều tiết tương ứng quy định cho mục đó						
b	Thu tiền chậm nộp các khoản thu còn lại	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100

✓